

### 3. Thực hành

GV cho HS đọc yêu cầu chung cho phần thực hành: **Tìm số hạng chưa biết.**

- HS (nhóm bốn) **thảo luận** và **thực hiện** theo trình tự mẫu.
- HS **làm bài** cá nhân, rồi chia sẻ trong nhóm.
- Sửa bài, **khuyến khích** HS trình bày cách làm.

### LUYỆN TẬP

#### Bài 1:

- HS nhận biết nhiệm vụ cần làm: **Giải bài toán.**
- Khi sửa bài, GV **khuyến khích** HS giải thích tại sao chọn phép trừ. (Tìm số hạng chưa biết trong một tổng.)

$$35 - 19 = 16$$

Có 16 bạn nam.

Hoặc:

Số bạn nam có là:

$$35 - 19 = 16 \text{ (bạn)}$$

Đáp số: 16 bạn.

### CỦNG CỐ

GV có thể tổ chức cho HS chơi “Tìm bạn”.

- GV cho HS viết số tròn chục (trong phạm vi 100) vào bảng con, mỗi HS / số tùy ý.
- GV gọi một HS cầm bảng lên và tìm bạn.

Ví dụ:

- HS 1: Tìm bạn, tìm bạn.
- Cả lớp: Tìm ai? Tìm ai?
- HS 1: 50 cộng mấy bằng 80?
- Những HS có bảng viết số 30 sẽ đứng lên và nói:

Chúng tôi đây, chúng tôi đây, vì  $80 - 50 = 30$  nên  $50 + 30 = 80$ .

Chúng tôi có số 30.

...

## TÌM SỐ BỊ TRỪ, TÌM SỐ TRỪ (1 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kỹ năng:

- Tìm số bị trừ, số trừ bằng cách: dựa vào sơ đồ tách – gộp số; quan hệ cộng, trừ; các bảng cộng, trừ hoặc dựa vào quy tắc.
- Vận dụng vào giải toán đơn giản.

**2. Năng lực chủ trọng:** tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

**3. Tích hợp:** Toán học và cuộc sống.

**Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

## B. Thiết bị dạy học

GV: hình vẽ phân Củng học (nếu cần).

## C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

### KHỞ ĐỘNG

HS tìm hiểu hình ảnh và bài toán, GV hướng dẫn HS nhận biết vấn đề cần giải quyết:

$$? - 8 = 28$$

### BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

#### 1. Giới thiệu cách tìm số bị trừ

GV có thể tiến hành theo trình tự sau:

GV vừa vấn đáp, vừa viết:

$$\boxed{?.?} - 8 = 28$$

Số bị trừ      Số trừ      Hiệu

GV gợi ý cho HS nhận biết số cần tìm là số bị trừ.

- Thể hiện phép tính qua sơ đồ tách - gộp số:

$$\begin{array}{c} 8 \\ \swarrow \\ \boxed{?.?} \\ \searrow \\ 28 \end{array} \longrightarrow \begin{array}{c} 28 + 8 = 36 \\ \uparrow \quad \uparrow \quad \uparrow \\ \text{Hiệu} \quad \text{Số trừ} \quad \text{Số bị trừ} \end{array}$$

Làm sao để tìm số bị trừ?

Muốn tìm số bị trừ, ta lấy hiệu cộng với số trừ. (HS lặp lại nhiều lần.)

#### 2. Giới thiệu cách tìm số trừ

GV có thể tiến hành tương tự như tìm số bị trừ.

GV chốt: Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu. (HS lặp lại nhiều lần.)

#### 3. Thực hành

- HS nhóm đôi tự tìm hiểu bài và thực hiện.
- Các nhóm trình bày.
- GV khuyến khích HS giải thích cách làm.

## LUYỆN TẬP

### Bài 1:

- HS thực hiện.
- Khi sửa bài, GV hỏi để HS **trả lời** cách tính ở các trường hợp cụ thể và khái quát cách tìm **hiệu, số trừ** và số **bị trừ**.

## CÙNG CỐ

GV có thể tổ chức cho HS chơi “Tìm bạn”.

- GV cho HS viết số tròn chục (trong phạm vi 100) vào bảng con, mỗi HS / số tùy ý.
- GV gọi một HS cầm bảng lên và tìm bạn.

Ví dụ:

- HS 1: Tìm bạn, tìm bạn.
- Cả lớp: Tìm ai? Tìm ai?
- HS 1: Mấy trừ 30 bằng 50?
- Những HS có bảng viết số 80 sẽ đứng lên và nói:  
Chúng tôi đây, chúng tôi đây, vì  $50 + 30 = 80$  nên  $80 - 30 = 50$ .  
Chúng tôi có số 80.

(Hoặc yêu cầu tìm số trừ.)

## ÔN TẬP PHÉP NHÂN (1 tiết)

### A. Mục tiêu

#### 1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập ý nghĩa phép nhân: **sự lặp lại**, phép nhân là cách viết khác của tổng các số hạng bằng nhau; tên gọi các thành phần của phép nhân.
- Nhận biết tính chất giao hoán của phép nhân.
- Vai trò của số 0 trong phép nhân.

**2. Năng lực chủ trọng:** tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

#### 3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tiếng Việt.

**Phẩm chất:** chăm chỉ, trách nhiệm.

### B. Thiết bị dạy học

GV: các thẻ chấm tròn cho nội dung Cùng học.

### C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

#### KHỞ ĐỘNG

GV viết phép cộng các số hạng bằng nhau lên bảng lớp.

HS viết phép nhân tương ứng vào bảng con và gọi tên các thành phần của phép nhân.